BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Chương trình đào tạo: Thú y **Khoá đào tạo: 2026**
Trình độ đào tạo: Đại học **Hình thức đào tạo: Chính quy**
(Kèm theo Quyết định số 5300/QĐ-ĐHĐT ngày 03 tháng 9 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Tháp)

TT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	Giờ Tín Chỉ		HỌC PHẦN ĐIỀU KIỆN			TIẾN ĐỘ
				LT	TH	TQ	HT	SH	
A. Khối kiến thức giáo dục đại cương			**35**						
I. Ngoại ngữ (*)				*Theo QĐ số 6116/QĐ-ĐHĐT, ngày 25/9/2025*					
II. Tin học (*)									
III. Giáo dục quốc phòng (*)			**11**						
1	GE4165	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam*	3	45					2
2	GE4150	Công tác quốc phòng, an ninh*	2	30			GE4165		
3	GE4166	Quân sự chung*	2	14	16		GE4165		
4	GE4167	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật*	4	4	56		GE4165		
IV. Giáo dục thể chất (*)			**3**						
4.1. Học phần thể chất bắt buộc			2						
5	GE4306	Giáo dục thể chất 1*	1		30				2
6	GE4334	Giáo dục thể chất 2 (Bơi lội)*	1		30		GE4306		3
4.2. Học phần thể chất tự chọn			**1**						
7	GE4335	Bóng đá*	1		30		GE4306		3
8	GE4336	Bóng chuyền*	1		30		GE4306		3
9	GE4337	Cầu lông*	1		30		GE4306		3
10	GE4338	Võ thuật Vovinam*	1		30		GE4306		3
11	GE4339	Võ thuật Karatedo*	1		30		GE4306		3
12	GE4340	Cờ vua*	1		30		GE4306		3
13	GE4347	Pickleball*	1		30		GE4306		3
V. Đại cương chung			**21**						
5.1. Đại cương chung bắt buộc			**17**						
14	VM4500	Nhập môn ngành Thú y	1	15					1
15	GE4091	Triết học Mác - Lênin	3	45					1
16	GE4039N	Pháp luật Việt Nam đại cương	3	45					1
17	AI4450	Nhập môn Công nghệ số và ứng dụng AI	2	30					2
18	GE4092	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	30			GE4091		2
19	GE4093	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30			GE4092		3
20	GE4056	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30			GE4092		3
21	GE4094	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	30			GE4092		5
5.2. Đại cương chung tự chọn			**4**						
22	VM4000	Thú y đại cương	2	15	30				1
23	VM4013	Sinh học đại cương	2	20	20				2
24	VM4058	Công nghệ sinh học đại cương	2	20	20				2
25	VM4017	Thiết bị và dụng cụ Thú y	2	20	20				3
26	GE4061	Xã hội học đại cương	2	30					3
B. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp			**130**						
I. Kiến thức cơ sở nhóm ngành			**10**						
27	VM4001	Miễn dịch học	2	30					1
28	VM4002	Di truyền và Sinh học phân tử	3	30	30				1
29	VM4016	Động vật học	2	20	20				1
30	VM4055	Giải phẫu mô học động vật	3	35	20				3
II. Kiến thức cơ sở ngành			**27**						
31	VM4018	Kỹ thuật phòng thí nghiệm trong Thú y	2	20	20				2
32	VM4004	Dinh dưỡng và thức ăn Chăn nuôi	3	30	30				2
33	VM4005	Vệ sinh môi trường Chăn nuôi - Thú y	3	25	10				3
34	VM4006	Chăn nuôi đại cương	2	30					3
35	VM4008	Dược lý và độc chất Thú y	3	35	20				3
36	VM4009	Sinh lý động vật	3	30	30				3
37	VM4011	Sinh lý bệnh Thú y	2	21	18				3
38	VM4012	Chẩn đoán Thú y	3	35	20				4
39	VM4010	Vi sinh Thú y	4	40	40				4
40	VM4014	Phương pháp NCKH trong Chăn nuôi-Thú y	2	22	16				4
III. Kiến thức chuyên ngành			**65**						
3.1. Kiến thức chuyên ngành bắt buộc			**51**						
41	VM4020	Bệnh nội khoa	3	30	30				5
42	VM4057	Bệnh sản khoa và ngoại khoa	4	45	30				5
43	VM4023	Dịch tễ học	2	20	20				5

TT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	Giờ Tín Chỉ		HỌC PHẦN ĐIỀU KIỆN			TIẾN ĐỘ
				LT	TH	TQ	HT	SH	
44	VM4024	Bệnh truyền nhiễm gia súc	3	20	20				5
45	VM4034	Luật Thú y	2	30					5
46	VM4025	Bệnh truyền nhiễm gia cầm	3	20	20				6
47	VM4026	Bệnh ký sinh trùng	3	30	30				6
48	VM4027N	Chăn nuôi heo	3	30	30				6
49	VM4028	Chăn nuôi gia cầm	2	20	20				6
50	VM4029	Công nghệ truyền tinh, truyền phôi	2	20	20				6
51	VM4030	Quản lý dịch bệnh động vật	2	30					6
52	VM4031	Bệnh thú cưng	3	30	30				7
53	VM4032N	Kiểm nghiệm thú sản	2	20	20				7
54	VM4033	Bệnh dinh dưỡng	3	20	20				7
55	VM4037	Thực hành Thú y cơ sở	2		60				7
56	VM4035	Bệnh thuỷ sản	3	30	30				7
57	VM4036	Bệnh truyền lây giữa động vật và người	2	25	10				7
58	VM4038	Thực hành Bệnh xá	3		90				7
59	VM4050	Kỹ năng tìm kiếm việc làm Thú y	1	15					8
60	VM4051	Khởi nghiệp về Thú y	3	45					8
3.2. Kiến thức chuyên ngành tự chọn			**14**						
61	VM4039	Dược liệu	2	25	10				4
62	VM4040	Động vật thí nghiệm	2	30					4
63	VM4044	Chăn nuôi dê	3	30	30				5
64	VM4047	Nuôi trồng thủy sản	2	20	20				5
65	VM4043	Chăn nuôi gia súc nhai lại	3	35	20				6
66	VM4042	Công nghệ sinh học trong Chăn nuôi - Thú y	3	35	20				6
67	VM4045	Chăn nuôi thú cưng	3	45	30				7
68	VM4046	Chăn nuôi thỏ	2	20	20				7
69	VM4048	Nông nghiệp tuần hoàn	3	30	30				8
70	VM4056	Ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong Chăn nuôi - Thú y	2	20	20				8
IV. Khối kiến thực tập nghề nghiệp			**18**						
71	VM4408	Thực hành Thú y nâng cao	5	10	130				8
72	VM4052	Thực tập trang trại	4		120				8
73	VM4491	Thực tập cơ sở	3	10	160				8
74	VM4407	Thực tập tốt nghiệp ngành Thú y	6		240				9
V. Đồ án tốt nghiệp/Học phần thay thế			**10**						
5.1. Đồ án tốt nghiệp			10						
75	VM4292	Đồ án tốt nghiệp	10						9
5.2. Học phần thay thế Đồ án tốt nghiệp			**10**						
76	VM4053	Bệnh động vật hoang dã	3	35	20				9
77	VM4054	Quản lý sản xuất Chăn nuôi	3	35	20				9
78	VM4049	Anh văn chuyên ngành Thú y	2	30					9
79	VM4041	Hệ thống nông nghiệp	2	20	20				9
TỔNG SỐ TÍN CHỈ TOÀN KHÓA			**165**	1751	2096				
Tổng số tín chỉ tích luỹ:			151						
Tổng số tín chỉ điều kiện:			14						
Tổng số tín chỉ bắt buộc:			123						
Tổng số tín chỉ tự chọn:			28						